

CHÍNH PHỦ
Số: 191/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH

*Về quản lý hoạt động thủy sản của tàu cá
nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động thủy sản; trách nhiệm của chủ tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam; kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính và khiếu nại, tố cáo liên quan hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các chủ tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ tàu cá là chủ sở hữu hoặc người thuê tàu, người quản lý tàu hoặc thuyền trưởng tàu cá.
2. Vùng biển của Việt Nam là các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại Luật Biên giới Quốc gia ngày 26 tháng 6 năm 2003 và theo Điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.
3. Tàu cá nước ngoài là tàu cá đăng ký tại nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam

1. Hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam trên cơ sở hợp tác quốc tế, bảo đảm sự bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập, chủ quyền, pháp luật của mỗi bên và pháp luật quốc tế.
2. Hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài trong vùng biển của Việt Nam phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành thủy sản trong phạm vi cả nước và của từng địa phương; bảo đảm an toàn cho tàu cá và người làm việc trên tàu cá.
3. Tàu cá nước ngoài chỉ được hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam khi có Giấy phép hoạt động thủy sản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
4. Tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam phải tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG II

ĐIỀU KIỆN THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT

ĐỘNG THỦY SẢN CHO TÀU CÁ NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu cá nước ngoài

1. Giấy phép hoạt động thủy sản (sau đây gọi tắt là Giấy phép) cấp cho từng tàu cá. Một chủ tàu cá có thể xin cấp Giấy phép cho nhiều tàu cá. Nội dung Giấy phép theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Thời hạn của Giấy phép được cấp không quá 12 tháng đối với hoạt động khai thác thủy sản, không quá 24 tháng đối với các hoạt động thủy sản khác.
3. Giấy phép được gia hạn nhiều lần, thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 12 tháng.

Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép

Tàu cá nước ngoài được xét cấp Giấy phép hoạt động thủy sản khi chủ tàu cá có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có một trong các giấy tờ, văn bản sau đây:
 - a) Giấy phép đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;
 - b) Dự án hợp tác về điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Thủy sản phê duyệt;
 - c) Dự án hợp tác về huấn luyện kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thủy sản và thuê tàu cá nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Thủy sản phê duyệt;
 - d) Dự án hợp tác về kinh doanh, thu mua thủy sản, vận chuyển thủy sản được Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đồng ý về nguyên tắc.
2. Giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá.
3. Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện.
4. Thuyền trưởng, máy trưởng của tàu cá phải có văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép, gia hạn Giấy phép

1. Hồ sơ xin cấp Giấy phép bao gồm:
 - a) Đơn xin cấp Giấy phép cho tàu cá theo mẫu do Bộ Thủy sản quy định;

b) Các giấy tờ, văn bản liên quan quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 của Nghị định này;

c) Danh sách, ảnh của từng thuyền viên và những người làm việc trên tàu cá (ghi rõ họ tên, quốc tịch, chức danh).

2. Hồ sơ xin gia hạn Giấy phép bao gồm:

a) Đơn xin gia hạn Giấy phép theo mẫu do Bộ Thủy sản quy định;

b) Báo cáo tình hình hoạt động của tàu cá trong thời gian được cấp Giấy phép;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (bản sao có công chứng);

d) Giấy phép đã được cấp (bản sao có công chứng).

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép được quy định tại Điều 8 của Nghị định này xét cấp hoặc gia hạn Giấy phép trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp Giấy phép hoặc không gia hạn Giấy phép thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Chủ tàu cá xin cấp Giấy phép, gia hạn Giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Cơ quan cấp Giấy phép, gia hạn Giấy phép

Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Thủy sản là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép, gia hạn Giấy phép cho tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam.

Điều 9. Các trường hợp Giấy phép mất hiệu lực

1. Tàu cá chấm dứt hoạt động trong vùng biển của Việt Nam trước thời hạn ghi trong Giấy phép.

2. Giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ.

3. Giấy phép bị tạm đình chỉ, đình chỉ.

4. Giấy phép hết thời hạn;

5. Tàu cá bị phá hủy, chìm đắm, mất tích.

Điều 10. Các trường hợp thu hồi Giấy phép

1. Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa.

2. Tàu cá bị xử phạt vi phạm hành chính 3 lần trong thời hạn của Giấy phép.

3. Sử dụng Giấy phép không đúng với tàu cá được cấp Giấy phép.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TÀU CÁ NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Quyền của chủ tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam

1. Được hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam theo nội dung ghi trong Giấy phép.
2. Được cơ quan chuyên môn của Nhà nước Việt Nam thông báo kịp thời về tình hình diễn biến thời tiết; được cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động thủy sản và hướng dẫn về các quy định của pháp luật Việt Nam khi có yêu cầu.
3. Được Nhà nước Việt Nam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình hoạt động thủy sản.
4. Có các quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ tàu cá nước ngoài trong quá trình hoạt động của tàu
Chủ tàu cá nước ngoài phải tuân theo các quy định sau đây khi tàu tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển của Việt Nam:

1. Bấy (07) ngày trước khi đưa tàu cá vào vùng biển của Việt Nam, phải thông báo cho Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Thủy sản của Việt Nam biết. Khi đến Việt Nam phải làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật.
2. Phải thường xuyên mang theo trên tàu cá các giấy tờ (bản chính) sau đây:
 - a) Giấy phép hoạt động thủy sản;
 - b) Giấy chứng nhận về đăng ký tàu cá;
 - c) Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật tàu cá;
 - d) Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện;
 - đ) Sổ danh bạ thuyền viên và hộ chiếu của từng người làm việc trên phương tiện.
3. Hoạt động theo đúng nội dung ghi trong giấy phép đã được cấp; thực hiện việc ghi nhật ký hoạt động và báo cáo hoạt động theo quy định của Bộ Thủy sản Việt Nam.
4. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.